

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2025
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lương Khoa
2. Ông Hồ Phi Công
- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 576/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm: 1981
Địa chỉ: Khu N, thị trấn Q, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.
2. Bị đơn: Bà Hồ Thị T, sinh năm: 1984
Địa chỉ: Tổ F, ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai
(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày: Ông và bà Hồ Thị T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Trước đó cả hai chưa ai có vợ có chồng.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng ngày càng xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau năm 2005 đến nay, từ đó cuộc sống ai người đó lo, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Lê Văn Đ và bà Hồ Thị T không có con chung.

Về tài sản chung: Ông Lê Văn Đ trình bày không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông Lê Văn Đ trình bày không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hồ Thị T được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà Hồ Thị T vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của bà Hồ Thị T đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Đ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Lê Văn Đ được ly hôn với bà Hồ Thị T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Ông Lê Văn Đ trình bày không có; Về nợ chung ông Lê Văn Đ trình bày không có, bà Hồ Thị T không có lời khai về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Ông Lê Văn Đ khởi kiện bà Hồ Thị T về việc Ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà Hồ Thị T có nơi cư trú tại tổ F, ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông Lê Văn Đ khởi kiện bà Hồ Thị T, nên xác định ông Đ là nguyên đơn, bà T là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn Đ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; bà Hồ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bà Hồ Thị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn Đ và bà Hồ Thị T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy: Ông Lê Văn Đ trình bày quá

trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng ngày càng xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau năm 2005 đến nay, từ đó cuộc sống ai người đó lo, không quan tâm chăm sóc nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Đ yêu cầu được ly hôn với bà T.

Tại biên bản xác minh ngày 04 tháng 11 năm 2024 tại tổ F, ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (bút lục số 21) thể hiện bà T hiện nay đang cư trú và sinh sống tại địa phương; về quan hệ hôn nhân hiện nay ông Lê Văn Đ, bà Hồ Thị T không còn chung sống với nhau. Trong quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Hồ Thị T đến tham gia các buổi làm việc, xét xử nhưng bà T vắng mặt không có lý do chính đáng. Thấy rằng, ông Đ cương quyết xin ly hôn nhưng bà T không có nỗ lực thật sự để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng mặc dù Tòa án đã cho thời gian để ông Đ, bà T đoàn tụ vợ chồng nhưng bà T không đến Tòa án để làm việc và bà T cũng thờ ơ về việc ông Đ xin ly hôn với bà nên không có kết quả. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của ông Đ, bà T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về con chung: Không có.

[7] Về tài sản chung: Ông Lê Văn Đ trình bày không có. Bà Hồ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[8] Về nợ chung: Ông Lê Văn Đ trình bày không có. Bà Hồ Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[9] Về án phí: Ông Lê Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê

Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn Đ được ly hôn với bà Hồ Thị T.
2. Về con chung: Không có
3. Về tài sản chung: Không giải quyết
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí: Ông Lê Văn Đ phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Lê Văn Đ đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011459 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Ông Lê Văn Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn Đ, bà Hồ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang